

VỀ SỰ RA ĐỜI THẦN KỲ CỦA CÁC VỊ THẦN Ở VEN SÔNG HỒNG

(vùng Hà Nội và phụ cận)

VIỆT HUONG*

Hột trong những nỗi “dày vò tâm hồn nhân thế”(1) của bách tính trần gian là câu hỏi về sự sinh và tử của mỗi con người. Cái chết đâu có được mỹ hoá thành điểm bắt đầu cho một sự sinh thành để con người có thể bình tĩnh bước đi tới cuối chân trời thì những tai hoạ khôn lường trên con đường ngắn ngủi ấy vẫn luôn làm mỗi sinh linh phải hoảng sợ. Người ta cần những điểm tựa, cần những “thanh vịn” để tự mình tạo sự bình an. Sự cầu viện ấy là bản năng muôn thuở của mỗi mảnh đời trần tục, cho dù con người hiện đại có quá tự mãn vào năng lực tự thân của mình mà “hung hăng” đạp qua. Điểm tựa ấy là đức tin. Niềm tin nâng đỡ và làm cuộc sống của con người đậm ý nghĩa hơn.

Người Việt cổ trong cuộc giằng co quyết liệt và dũng cảm, lặn từng mét biển để khai phá vùng châu thổ, đã mang theo niềm tin ấy, niềm tin vào một lực lượng siêu phàm đang dõi nhìn “cuộc chiến” đầy gian khổ giữa một bên là sức hữu hạn mong manh nhưng tràn đầy tâm huyết, phía kia là mệnh mông bao la đầy rẫy thất thường. Phần thưởng lớn là một đồng bằng

châu thổ trù phú, lưng tựa núi, mặt hiên ngang đón gió biển Đông, phần thưởng mà không ít người tin rằng ngoài sự nỗ lực phi thường của con người, thì món quà đó còn có phần không nhỏ do các thần linh ban tặng.

Giống như đứa trẻ đã đủ lớn, sức ép về dân số và lương thực cũng như nhu cầu tự nhiên về sự khám phá những miền đất lạ, đã khiến người Việt cổ rời vòng tay an toàn và quen thuộc của bà mẹ rừng, bước xuống một thế giới đầy lạ lẫm và không ít hiểm nguy: Thế giới nước. Sông, hệ thần linh núi rừng vẫn theo họ để người Việt cổ tự tin và bình tĩnh hơn khi hoà nhập vào thế giới mới. Tuy vậy, hoài niệm chỉ là phương tiện trợ giúp chứ không ngăn trở con người (với tư duy hiện thực) cầu xin sự che chở của chính thế giới mà họ đang chinh phục. Hệ thần linh nước đã ra đời trong sự cần thiết, sự trân trọng, sự tin tưởng và cả sự sợ hãi từ thuở hồng hoang.

Trời chảy cùng con sông văn minh, vốn được coi là một trong những ngón tay xoè ra biển cả, người Việt sau nhiều sàng lọc đã chọn mảnh đất “ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế Rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi Nam, Bắc, Đông, Tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi”(2) làm nơi tụ cư quan trọng nhất. Rồi một kinh đô

*TRƯỜNG KHOA QUẢN LÝ VĂN HOÁ DÂN TỘC
THIẾU SỐ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI



Tượng Thành Hoàng, hiện vật Bảo tàng Hà Tây.
Ảnh: T.L

“có địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt, muôn vật cũng phong phú tốt tươi”(3)..., nhưng từ nhiều đời vẫn sống trong một “tứ giác nước”(4) nên sự gắn bó chặt chẽ với yếu tố này là điều không thể tránh khỏi. Nước trở thành một yếu tố quan trọng nhất trong đời sống sản xuất của cư dân nông nghiệp vùng châu thổ, mặt khác, nước cũng là kẻ thù hung bạo và nguy hiểm tột cùng, đứng đầu trong mọi nỗi sợ hãi mà con người, khó có thể chủ động vượt qua: “thủy, hoả, đạo, tặc”. Yếu tố nước, với tính hai mặt và khó khống chế ấy, đã trở thành mối quan tâm hàng đầu trong tâm thức người Việt.

Thực tế đó đã tích tụ và được đẩy cao thành khát vọng, gửi vào các lễ hội cổ truyền ven sông, trở thành một đặc trưng trong lễ hội cầu nước và trị thủy của đất Thăng Long.

Người Việt cổ khi khai thác châu thổ thấp của sông Hồng, họ chỉ dám chọn con đường “kính nhi viễn chi” trước dòng sông của cái này. Trước sự “hung dữ” của tự nhiên, họ đã co lại trong một phản ứng tự vệ với các con đê ngăn sông, trở thành ranh giới ngăn cách. Hiếm một nỗi, khi từ chối dòng sông, người Việt cổ nơi đây lại vướng phải một nỗi truân chuyên khác: Sự thiếu nước trầm trọng trong những dịp hạn hán. Sự lưỡng hoá trong tâm thức trước các thần linh nước trở nên rõ rệt. Điều này giải thích nguyên nhân của sự hội tụ dày đặc các lễ hội vừa mang ý nghĩa cầu nước, vừa mang khát vọng trị thủy trong một dải đất tương ứng với độ ngắn và dốc của con sông Hồng từ điểm hội lưu ra nơi cửa biển. Có thể dễ dàng nhận ra, nơi đây hiểm nguy là chỗ sông Hồng được nhân ba lần sức nước ở Việt Trì, chảy thẳng xuống vùng đất Sơn Tây, xoáy mạnh ở vùng Đan Phượng, Chèm

để tạo nên những “ghềnh Bạc, thác Xù” đáng sợ. Cũng chính tại điểm đổ nước này, những huyền thoại đầu tiên về công cuộc trị thủy và cầu nước đã ra đời. Và, đương nhiên, những thần linh “đứng mũi chịu sào” sẽ gánh những nhiệm vụ đặc biệt. Điểm báo về khả năng thực hiện những nhiệm vụ ấy được nhận ra ngay từ tín hiệu đầu tiên: Sự ra đời thần kỳ của nhân vật được phụng thờ.

Sơ bộ khảo sát từ thượng nguồn, men theo hai bờ sông, có thể nhận thấy những vị thần ra đời “không bình thường” trong các di tích và lễ hội sau:

1. Vị thần được thờ nhiều nhất trong các di tích và lễ hội vùng Hà Nội (theo số lượng thống kê, khảo sát thực tế) là thần Linh Lang. Một số tác giả cho rằng, đây là vị thần thuộc hệ thống sông Tô Lịch, nhưng dọc hai bờ sông Hồng, từ đình Bông Lai (Đan Phượng) cho tới tận Làng Nha, Thổ Khối, Cự Linh, Đông Dư, Bát Tràng, chúng tôi đều gặp đền thờ vị thần này. Một trong những nguyên nhân, theo chúng tôi, là tính chất tương đồng trong điều kiện sống của cư dân ven hai con sông, hơn nữa, sự gần bó về nguồn gốc, quá trình nhập, tách dòng cũng như sự gần gũi về địa lý của Tô Lịch và Sông Hồng, khiến không nên tuyệt đối phân biệt hai hệ thống thần linh ven sông. Sự tích kể, mẹ Ngài bị giao long cuốn, chửa 14 tháng; mà sinh ra ngài.

2. Vị thần khác, tuy có số nơi thờ phụng ít hơn và chỉ được xem là phúc thần của cư dân vùng ven Hồ Tây, nhưng có quan hệ tương đối gần gũi với Đức thánh Linh Lang đại vương, là Thánh Uy Đô Linh Lang. Có nhà nghiên cứu đã cho rằng, thực ra, đây chỉ là hiện tượng tiếp biến của tục thờ Linh Lang đại vương, nhưng nhân dân địa phương thì không đồng nhất với điều đó. Trong sự thành kính của người dân vùng Nhật Tân, Yên Phụ, đức Uy Đô Linh Lang có một nguồn gốc xuất thân đặc biệt và không hề giống với bất cứ vị thần được thờ phụng nào.

Thần tích kể: "Đại vương thuộc tộc Giao (Long). Trưởng là Giáp Xích, hiệu là Uy Linh Lang cùng với sáu người em được phụ phong ở đất này. Đó là Bạch Giáp, Hoàng giáp, Hắc Giáp, Thanh Giáp, Chu Giáp, Tử Giáp (loài rắn có vẩy, màu trắng, vàng, đen, xanh, đỏ, tím). Về sau anh linh rõ rõ, giúp dân độ vật, nhiều lần hiển ứng, được tôn vinh phong tặng...". Tích cho biết, mẹ ngài là hoàng hậu nhà Trần mang thai 14 tháng, sinh ra một bọc, bọc nở và ngài ra đời.

3. Đình Dịch Vọng Trung (Làng Vòng) ở các thôn Tháp, thôn Hà (từ Liêm) thờ Chu Rí - Đức Mẫu "... đang tắm bỗng bị giao long quấn mình... được ba hôm bỗng cảm thấy trong bụng đau lắm, chuyển động mang thai, mẩn nguyệt, bà sinh ra một bọc, phá ra một trứng thành ra một con trai".

4. Đình Yên Nội (xã Liên Mạc, huyện Từ Liêm) thờ Đức thánh Tam Giang vốn được phong là Đại Vương Giang Thần. Thánh mẫu

18 tuổi đi tắm ở bến Phả Lại bị rồng thần quấn, có mang 14 tháng... sinh 5 con đặt tên là Lùng, Lầy, Hống, Hách (Hát) và Đạm Nương"(5). Các con có công đánh giặc rồi hoá, trong số đó có Hống và Hách được phụng thờ.

5. Làng Mạch Lũng hiện nay, thuộc xã Đại Mạch, huyện Đông Anh (xưa thuộc trấn Sơn Tây) nằm trên một dải đất cổ bên triền sông Hồng, lại thờ Tam vị Minh Mỗ Đại Vương và bà Thân Mẫu Xoa Nương. Thần tích ghi: "Một đêm Xoa Nương nằm mơ thấy ba con rồng bay tới hoá thành ba người con trai... Tất cả ba người ở thủy cung tình nguyện xin đầu thai làm con. Bà có mang... sinh ra một bọc nở được ba người con trai..."(6).

6. Không nằm trong nhóm các vị thần biểu trưng cho vai trò và sức mạnh của nguồn nước, nhóm những vị thần tượng cho khát vọng trấn trị sự hung hãn và nguy hiểm của thủy tặc, cũng hiển hiện hình ảnh người anh hùng với nguồn gốc phi thường.

Phúc tạp, đa nghĩa và được phụng thờ ở rất nhiều nơi ven sông Hồng vùng Hà Nội và phụ cận là vị thần có công trị thủy: Sơn Tinh. Về hiện tượng nguồn gốc phúc tạp của Sơn Thánh qua các biểu hiện về tam vị nhất thể Nguyễn Tuấn, Cao Sơn, Quý Minh đã được đề cập tới trong nhiều thần tích.

Thần tích ở đền xã Phú Lạc - Sơn Tây:

Thời Hùng Vương thứ 18 có động Lăng Sương ở huyện Thanh Xuyên phủ Gia Hưng đạo Hưng Hoá xứ Sơn Tây. Một hôm, có rồng hiện phun chu tinh xuống khe động. Cùng lúc, bà mẹ của thần ra lấy nước, cảm thấy lòng động, mang thai 14 tháng rồi sinh ra thần. Đặt tên là Nguyễn Tuấn.

Thần tích ở xã Thụy Liễu, Sơn Tây cũng tương tự mô típ trên:

"Tích quê quán của Sơn Tinh Quý Minh thánh là người Lăng Sương. Mẹ là Lê Thị đêm nằm mộng thấy rồng thần ôm quanh mình bèn có chửa. Mang thai 3 năm, mẩn nguyệt khai hoa... Thánh có diện mạo phi thường hình dung cao quý (nên gọi là Quý), thiên di thông dị, trí tuệ hơn người (nên gọi là Minh)... Thượng đế phong Quý Minh làm Sơn Tinh".

Cũng tại xã Thụy Liễu lại có một bản kể khác, tuy nhiên cũng cho thấy sự ra đời thần kỳ của Cao Sơn, với ý nghĩa như là thờ Tản Viên Sơn Tinh.

Ngoài những nơi thờ đức thánh Tản tại Hà Tây (đã kiểm kê được 116 đền) vốn được coi là vùng trung tâm thờ tự, thì tại khu vực lan toả là Hà Nội ngày nay hoặc sâu xuống tận những vùng ngập trũng, cũng còn rất nhiều di tích và lễ hội phụng thờ nhân vật có vị trí quan trọng đặc biệt này trong tâm thức người Việt.

7. Cũng tại điểm gạch nối giữa núi rừng và sông nước, Thánh Gióng được coi là biểu tượng của một vị phúc thần, mang đến những cơn mưa đông cho đồng ruộng. Tuy nhiên, khác với Hội Gióng Phù Đổng, Sóc Sơn hay Xuân Đỉnh, Chi Nam, tại di tích ven sông Hồng và Bộ Đầu (huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây) có thần tích cho thấy, đối với cư dân vùng này, Thánh Gióng là vị thành hoàng có công diệt trừ thủy quái - lực lượng tượng trưng cho sức mạnh huỷ diệt của dòng nước. Sự đa nghĩa này không phải là hiện tượng ít phổ biến trong quan niệm về vai trò của các vị thần. Dù vậy, sự xuất hiện lạ kỳ của nhân vật trung tâm là Thánh Gióng thì ở đâu cũng là nhất quán.

8. Một nhân vật khổng lồ khác cũng được các cư dân ven sông coi là vị phúc thần, có công diệt trừ thủy quái, đem lại sự yên hoà cho dòng nước ở nơi sông Hồng đột ngột đổi luồng là đức thánh Chèm. Một điều đáng thú vị là Đức Thánh Chèm vẫn tồn tại trong tâm thức cư dân nơi đây như một người bạn của Thánh Gióng cùng có công trị thủy, đánh giặc. Niềm tin này, có lẽ một phần xuất phát từ sự ra đời kỳ lạ và có phần gần gũi giữa hai vị phúc thần.

Thần tích đình Chèm (Từ Liêm) qua khảo sát thực tế của chúng tôi cho thấy:

Một hôm, Thần Mẫu Đức Thánh đang dạo chơi tại vườn hoa trông thấy một vết chân người to lớn, nàng ước thử chân mình vào, từ đấy nàng có thai 14 tháng sau bà sinh được một cậu bé cao lớn lạ thường, đặt tên là Lý Thân, hiệu là Trọng.

9. Cùng trong mạch chảy của tư duy dân gian về vai trò của các vị thần có dáng vóc và khả năng siêu phàm, hiện tượng thờ đức Đấng Ma Thiên Tôn Trấn Vũ (ở đền Quán Thánh - Ba Đình và đền Trấn Vũ - Ngọc Trì, Thạch Bàn - Gia Lâm) như hoàn thiện thêm hệ thống các vị thần khổng lồ. Thánh Trấn Vũ tượng cho sự trấn yểm yêu ma tà đạo thuộc phương Bắc, nhưng trong tâm thức dân gian nơi đây, đức Thánh tượng cho sức mạnh trấn diệt thủy quái

và sự hung dữ của nguồn nước.

10. Không có hình tượng khổng lồ kỳ dị, nhưng với sức khoẻ hơn người, đức Thành Hoàng Lệ Mật (Việt Hưng, Gia Lâm và toàn vùng Tổng Nội Thập Tam trại phía Tây kinh thành Thăng Long - nay thuộc quận Ba Đình) cũng được coi là vị thần có công trị thủy, khai phá đầm lầy với hình ảnh diệt Giao Long, dững mãnh. Trong số các nhân vật dững sĩ trị thủy ven sông Hồng, hình tượng ông Hoàng Lệ Mật được xây dựng gần gũi với đời thường hơn cả. Điều này có lẽ có liên quan đến thời điểm muộn của việc khai khẩn các vùng đầm trũng phía tây kinh thành Thăng Long. Sự ra đời thần kỳ tuy không được tạo ra, nhưng một nhánh rẽ của nó là xu hướng huyền thoại hoá nhân vật trung tâm, cũng đủ làm tăng thêm khoảng cách về tâm linh giữa năng lực đặc biệt của vị thần được phụng thờ với những con người bình thường khác.

Bên cạnh biểu tượng dững sĩ oai nghiêm, diệt chim thần, tượng cho khát vọng chinh phục mặt trời, chống hạn... thì hình tượng thành hoàng Lệ Mật chém rắn đại diện cho khát vọng trị thủy chống lụt ven sông, đã hoàn thiện bức tranh toàn cảnh về cuộc sống đầy gian lao mà anh dũng của người Việt trước sự chinh phục thiên nhiên.

Điểm qua một số thần được phụng thờ ven sông Hồng vùng Hà Nội và phụ cận, sơ bộ chúng tôi nhận thấy:

Hơn 20 di tích và lễ hội có liên quan đến tục thờ nước đã tập trung quanh 10 vị thần mà chúng tôi khảo sát có thể phân thành các nhóm:

- Các thần ra đời từ bà mẹ trần thế đã phối ngẫu, hoặc nằm mơ phối ngẫu với rồng, rắn (từ nơi khác đến rồi đi). Nhóm này chiếm số lượng lớn hơn cả: 6/10.

- Các thần ra đời từ sự cảm ứng linh dị giữa bà mẹ trần thế với thần linh (dẫm phải vết chân khổng lồ, nằm mơ thấy mặt trời sau đó thụ thai và sinh con...). Nhóm này có số lượng khiêm tốn hơn: 3/10.

- Các thần ra đời bình thường, nhưng có đặc điểm dị biệt. Nhóm này rất ít: 1/10.

- a. Về vị thần có nguồn gốc thủy thần, do người mẹ phối ngẫu với rồng mà sinh ra.

Sự xuất hiện dày đặc hiện tượng các vị thần xuất thế do bà mẹ kết hợp với rồng - biểu tượng



Tượng Trần Hưng Đạo (đồng), đền Bảo Lộc, Nam Định
Ảnh: S.T

của thần sông lại tiếp tục được hỗ trợ bằng việc sinh ra một bọc sau thai kỳ tới 14 tháng. Sự hội tụ cùng lúc các yếu tố trên càng nhấn mạnh nguồn gốc thủy tộc của các vị thần. Mặc dù không phải tất cả những gì từ môi trường sống đều được phản ánh vào trong tâm linh, nhưng rõ ràng những dấu ấn sâu đậm ảnh hưởng nhiều đến đời sống của con người đều được tìm thấy trong các sinh hoạt tưởng như không còn thuộc bản thân cuộc sống hiện thực. Những khẩn cầu trong các sinh hoạt tâm linh luôn được người ta mượn chính những gì gần gũi quanh mình nhất là công cụ để đẩy hình tượng lên cao. Sự ra đời kỳ lạ của các thần nước là một dấu hiệu có chủ ý để phân biệt ranh giới

với thế nhân lại được tạo ra bằng những chi tiết hết sức gần gũi và giản dị, đã phản ánh về môi trường gắn bó với nước và các loài thủy tộc của cư dân Việt cổ trong giai đoạn chiếm lĩnh châu thổ thấp của đồng bằng Bắc Bộ.

Môtíp bà mẹ bản địa phối hợp với hệ thủy tộc, dường như phản ánh tiếp về bước đi huyền thoại của bà mẹ dân tộc, khi cư dân "chim - núi" (mẹ Âu Cơ) đã phải "đối diện" với thế giới "rắn-nước" (cha Lạc Long Quân). Sự hội tụ Âu Việt và Lạc Việt từ lãnh thổ đến dòng máu là bằng chứng về sự liên tục lưỡng hợp hoặc lưỡng phân của hai yếu tố cấu thành cuộc sống này.

Con số 14 liên quan đến sự ra đời của các thần lại phản ánh về tầm nhìn của con người không chỉ còn giới hạn trong không gian Âu-Lạc. Thai kỳ 14 tháng như là dấu hiệu quen thuộc báo hiệu sự sinh hạ thánh nhân của tư duy Nam Á, với số 7 mang tính "phiếm chỉ". 7 âm cộng với 7 dương, tượng cho toàn bộ âm dương vũ trụ tụ lại mà đúc nên. Tính khúc chiết của tư duy thương mại đã hội cả hai số nhiều đó lên để tượng cho một thai kỳ dài dang dặc.

Như vậy, trải suốt chiều dài lịch sử, cho đến tận thời khai hoang "thập tam trại", những cuộc hôn phối lạ kỳ vẫn tiếp tục diễn ra. Không còn những cuộc chia ly nửa về sông, nửa hội vào núi, song cũng không hề thấy bóng dáng đoàn tụ của cặp bố mẹ khởi nguyên nữa. Đặc tính đó đã chứng tỏ sự thấu hiểu sâu sắc của người Việt về tính chất hai mặt là một thuộc tính vĩnh cửu của dòng nước.

b. Môtíp bà mẹ dẫm phải vết chân khổng lồ để rồi sinh ra đứa trẻ có sức mạnh đặc biệt lại phản ánh vấn đề khát vọng trị thủy. Có thể tạm nghĩ hình tượng khổng lồ còn thể hiện một quan niệm sâu hơn trong tư duy dân gian về vai trò và khả năng của những người anh hùng.

Nếu như mô típ bà mẹ phối hợp với rồng sinh

con còn mang đậm dấu vết của thời kỳ thị tộc mẫu hệ, thì mô típ bà mẹ dẫn phải vết chân khổng lồ đã phần nào cho thấy rõ hơn vai trò của người cha. Ở đây, hình tượng người bố khổng lồ được nhìn nhận dưới hai góc độ: Thoạt tiên nó đại diện cho lực lượng quá khứ, thứ nữa nó đại diện cho sức mạnh siêu nhiên. Cả hai quan niệm đều nhằm truyền cho người con khổng lồ khả năng chống lại những thế lực khủng khiếp là thủy tặc và đạo tặc. Chỉ khi mượn được những lực lượng này giúp đỡ, con người mới có đủ niềm tin vào thắng lợi cuối cùng. Vậy là công cuộc đánh giặc và trị thủy đã có một điểm tựa chắc chắn.

Ngoài ra, hình tượng người khổng lồ còn gợi liên tưởng đến hình ảnh những ngọn núi sừng sững chặn đứng dòng nước. Hơn nữa, núi trở thành điểm tựa quen thuộc, giúp con người khi bước vào thế giới nước mới lạ, bớt đi nỗi bất an. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà trong thần tích sinh ra thánh mẫu Hạo Nương (thần mẫu đức Linh Lang Đại Vương) mà chúng tôi khảo sát được tại đình Bông Lai-Đan Phượng, Hà Tây thì mẹ của thánh mẫu Hạo Nương là bà Lê (huý Lăng) khi ngủ có mơ thấy một ngôi sao từ phía Tây bay vào miệng, sau đó có thai sinh ra nàng Hạo. Người dân nơi đây cho rằng ngôi sao phía Tây chính là bay từ nơi Thánh Tản ngự trị. Một gạch nối tâm linh huyền diệu về sự hiện diện của thần núi, để rồi cho tới khi đức Linh Lang Đại Vương hoá tại vùng Thủ Lệ, Ngài cũng chọn vị trí để truyền trả sinh lực lại trần gian vào một tảng đá có vết lõm. Hiện nay tảng đá thiêng được trân trọng xem là linh khí của đức Linh Lang tụ lại, vẫn còn đặt tại đền Voi Phục.

Như vậy, cho dù có nguồn gốc không giống nhau nhưng về cơ bản sự ra đời kỳ lạ của các

thần trong lễ hội cầu nước và trị thủy ven sông Hồng (vùng Hà Nội) chủ yếu đều liên quan tới lực lượng đại diện cho nguồn nước hay lực lượng có thể giúp con người chế ngự thủy tai. Một niềm tin về quan hệ "huyết thống" chặt chẽ này sẽ giúp lời khẩn cầu của con người đạt hiệu quả. "Một giọt máu đào hơn ao nước lã" như được ứng nghiệm cả với thế giới thần linh.

Hầu hết các thần sau khi "xuống đời" dù với màu sắc huyền thoại cũng đã phản ánh một thực tế về các hiện tượng tự nhiên và khát vọng chinh phục tự nhiên rồi theo dòng trôi chảy của truyền thuyết đã lập công đánh giặc. Bước đi này như hoàn thiện thêm năng lực cho nhân vật được phụng thờ đồng thời đã mô tả chân thực những nỗi truân chuyên của con người trần thế và huyền thoại, truyền thuyết đến lễ hội truyền thống, con đường thuận chiều ấy sẽ tất yếu được tạo ra khi xuất phát điểm là một sự ra đời thần kỳ. Nó trở thành dấu hiệu nhận biết và báo hiệu năng lực siêu phàm thuộc ý niệm cầu nước và trị thủy trong tư duy mệnh mông của người Việt thuở trước.

V.H

Tài liệu tham khảo

1. Hương Nguyễn, *Quanh tục thờ Mẫu*, Tạp chí Di sản văn hoá, số 7-2004, tr77.
- 2,3. Lý Công Uẩn, *Chiếu dời đô "Thơ văn Lý-Trần"* Nxb.KHXX, HN, 1997, tr 229.
4. Trần Quốc Vượng, *Vị thế địa văn hoá Hà Nội nghìn xưa trong bối cảnh môi sinh lưu vực sông Hồng và cả nước Việt Nam*, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật số 19/1994, tr.10.
5. Nhiều tác giả, *Lễ hội Thăng Long*, Nxb Hà Nội, 1998, tr 154.
6. *Lễ hội Thăng Long*, Sđd, tr 128.
7. Nguyễn Duy Hình, *Tín ngưỡng Thành Hoàng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, HN, 1996, tr 111.
8. Nguyễn Duy Hình, Sđd, tr 140-141.

SUMMARY: THE MIRACULOUS COMING INTO BEING OF GENIES ON RED RIVER SURROUNDINGS (HANOI AND ITS NEIGHBORHOOD)

Inspired by genies worshiped in ancient historic architectural sites on the Red River surroundings, belonging to Hanoi, the author, who had conducted field trips and research on historical stories, pointed out some remarkable characteristics in the Viet people's behavior in water seeking and flood fighting. Through that, the author also made a systematic classification and tried to decode some relating mysterious stories in a rather distinct view.